TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 2 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 2 · Đề số 4

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 30 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Số 76 viết thành tổng các chục và đơn vị là:

A. 76 = 7 + 6 **B.** 76 = 60 + 7 **C.** 76 = 70 + 7 **D.** 76 = 70 + 6

Câu 2. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm trong dãy: 4, 10, 16, ……, 28, 34

A. 23 **B.** 28 **C.** 21 **D.** 22

Câu 3. *(0,5 điểm)* Kết quả của phép tính 14 + 41 − 8 là:

A. 47 **B.** 37 **C.** 57 **D.** 45

Câu 4. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 60 − …… = 23

A. 47 **B.** 41 **C.** 37 **D.** 27

Câu 5. *(0,5 điểm)* Đồng hồ bên chỉ mấy giờ?



A. 8 giờ 15 phút **B.** 9 giờ 30 phút

C. 9 giờ 15 phút **D.** 10 giờ 15 phút

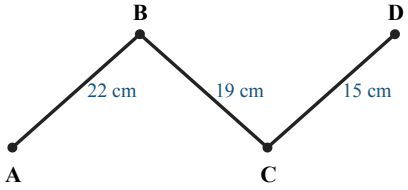
Câu 6. *(0,5 điểm)* Có 6 l nước rót đều vào các can 2 l. Cần ít nhất bao nhiêu can để đựng hết số nước đó?

A. 3 can **B.** 6 can **C.** 4 can **D.** 2 can

Câu 7. *(0,5 điểm)* 5 dm 4 cm = …… cm

A. 54 **B.** 45 **C.** 9 **D.** 504

Câu 8. *(0,5 điểm)* Độ dài đường gấp khúc ABCD là:



A. 41 cm **B.** 56 cm **C.** 46 cm **D.** 66 cm

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Viết tiếp hai số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 14, 19, 24, 29, ……, ……

b) 12, 21, 30, 39, ……, ……

Câu 10. *(1 điểm)* Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 46 + 35 = ……

b) 72 + 9 = ……

c) 63 − 25 = ……

d) 41 − 9 = ……

Câu 11. *(1 điểm)* Tìm số thích hợp điền vào chỗ chấm:

a) 43 − …… = 24

b) 44 + …… = 80 − 9

c) …… − 19 = 55

d) 19 + …… = 45

Câu 12. *(1 điểm)* Quan sát hai đồng hồ rồi viết vào chỗ chấm:





a) Đồng hồ thứ nhất chỉ …… giờ …… phút

b) Đồng hồ thứ hai chỉ …… giờ …… phút

Câu 13. *(1 điểm)* Đếm hình:



a) Hình bên có …… hình tứ giác.

Câu 14. *(1 điểm)* Hà hái được 43 bông hoa, Bình hái được 34 bông hoa. Hỏi hai bạn hái được tất cả bao nhiêu bông hoa? Ai hái được nhiều hơn và nhiều hơn bao nhiêu bông?

a) Hai bạn hái được: …… bông hoa

b) Bạn hái nhiều hơn là Hà, nhiều hơn: …… bông hoa

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 2 · Đề số 4

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	D	A	C	C	A	A	B

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) Thêm 5 mỗi lần: 34, 39

b) Thêm 9 mỗi lần: 48, 57

Câu 10.

a) 46 + 35 = 81

b) 72 + 9 = 81

c) 63 − 25 = 38

d) 41 − 9 = 32

Câu 11.

a) 43 − 24 = 19

b) 80 − 9 = 71; 71 − 44 = 27

c) 55 + 19 = 74

d) 45 − 19 = 26

Câu 12.

a) 12 giờ 15 phút

b) 9 giờ 30 phút (hay 9 giờ rưỡi)

Câu 13.

Có 4 hình nhỏ, 4 hình ghép từ 2 ô và 1 hình lớn: 9 hình tứ giác.

Câu 14.

Tất cả: 43 + 34 = 77 (bông)

Hà hái nhiều hơn: 43 − 34 = 9 (bông)